

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Màu.
2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Sà G, sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04, đường Số 8, KDC Trần Hưng Đạo, phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường Số H, KDC T, phường P, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lý Sà G trình bày:

Ông Lý Sà G và bà Lâm Thị L sống chung với nhau vào năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn lại được, gia đình

hai bên đã hòa giải cho ông G và bà L nhưng không có kết quả. Ông Ghi nhận thấy hôn nhân giữa ông, bà không thể duy trì được nữa. Quá trình chung sống ông G và bà L có hai người con chung tên Lý Thị Hồng Đ, (nữ, sinh ngày 12/11/1995) và Lý Minh H, (nữ, sinh ngày 24/02/2001) nhưng không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay ông Lý Sà G yêu cầu Tòa án giải quyết mối quan hệ chung sống giữa ông và bà Lâm Thị L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông G và bà L có hai người con chung tên Lý Thị Hồng Đ, (nữ, sinh ngày 12/11/1995) và Lý Minh H, (nữ, sinh ngày 24/02/2001) đã đủ tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/7/2025, bị đơn bà Lâm Thị L trình bày:*

Do điều kiện gia đình bà L đi làm xa, việc đi lại rất khó khăn, bà yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt và yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận bà và ông Lý Sà G là vợ chồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn cư trú tại số D đường số H Khu dân cư T, phường P, Thành phố Cần Thơ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông G: Xét thấy, ông Lý Sà G thừa nhận ông và bà L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Nhưng sau này thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, từ đó cuộc sống tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Ông G và bà L đều thừa nhận quan hệ sống chung giữa ông, bà không phải là vợ chồng. Tại khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này...”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông G về không công nhận ông Lý Sà G và bà Lâm Thị L là vợ chồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông G và bà L đều thừa nhận quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung là cháu Lý Thị Hồng Đ, (nữ, sinh ngày 12/11/1995) và Lý Minh H, (nữ, sinh ngày 24/02/2001) đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lý Sà G và bà Lâm Thị L tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lý Sà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 8 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lý Sà G và bà Lâm Thị L.

2. Về con chung: Ông G và bà L đều thừa nhận quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung Lý Thị Hồng Đ, (nữ, sinh ngày 12/11/1995) và Lý Minh H, (nữ, sinh ngày 24/02/2001) đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Lý Sà G và bà Lâm Thị L tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

4.1. Ông Lý Sà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008978 ngày 11/3/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ); Ông G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Bà Lâm Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền